

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau (không phụ thuộc đã làm xong thủ tục pháp lý về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa):

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán đối với hoạt động xây lắp được xác định trên cơ sở tỷ lệ lãi gộp ước tính và doanh thu của các công trình. Sau khi công trình hoàn thành, nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư, chênh lệch giữa giá vốn hàng bán đã ghi nhận và tổng chi phí đầu tư thực tế của công trình được điều chỉnh tăng/giảm giá vốn hàng bán tại kỳ kết thúc.

Giá vốn hàng bán đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là quyền sử dụng đất và hạ tầng đi kèm chuyển nhượng cho khách hàng được xác định trên cơ sở tỷ lệ lãi theo dự toán của các dự án và doanh thu ghi nhận trong kỳ/hoặc suất đầu tư dự toán và diện tích kinh doanh. Sau khi dự án kết thúc giai đoạn kinh doanh, chênh lệch giữa giá vốn hàng bán đã ghi nhận và tổng chi phí đầu tư thực tế của dự án được điều chỉnh tăng/giảm giá vốn hàng bán tại năm kết thúc.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản chi phí đi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	15,116,066,008	17,120,607,603
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	70,202,325,933	93,459,719,290
Các khoản tương đương tiền (i)	55,000,000,000	36,779,146,825
	<u>140,318,391,941</u>	<u>147,359,473,718</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị theo	Giá gốc VND	Giá trị theo
		phương pháp vốn chủ sở hữu VND		phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Licogi 14	52,372,956,000	57,853,816,502	28,599,120,000	38,298,200,087
Công ty Cổ phần Licogi 19	1,900,000,000	1,992,057,013	1,900,000,000	2,009,338,056
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	17,040,000,000	14,229,805,621	17,040,000,000	14,644,973,451
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	300,491,630,000	304,521,459,574	295,936,870,000	285,310,454,344
Công ty Cổ phần Đầu tư và VLXD Đông Anh 8	5,743,500,000	5,312,694,666	5,743,500,000	5,312,694,666
Công ty Cổ phần gạch Phong Niên	3,750,000,000	3,750,000,000		3,750,000,000
Đầu tư vào công ty liên doanh				
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	159,253,337,143	199,830,155,960	159,253,337,143	229,127,839,274
Công ty Liên doanh Sản xuất VLXD Hà Nam	589,014,600	-	589,014,600	-
	541,140,437,743	587,489,989,336	509,061,841,743	578,453,499,878

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN/HN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	30/09/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Licogi 12	5,967,000,000	(2,207,790,000)	5,967,000,000	5,967,000,000
Công ty Cổ phần Licogi 13	25,001,671,600	(14,131,379,600)	10,870,292,000	11,413,806,600
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng số 18	10,530,000,000	-	10,530,000,000	10,530,000,000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Drink	13,753,805,608		13,753,805,608	13,753,805,608
Công ty Cổ phần Dầu tư Khu công nghiệp Dầu	780,000,000	(600,600,000)	780,000,000	780,000,000
Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Vinashin -	1,000,000,000	(214,496,656)	785,503,344	785,503,344
Công ty Cổ phần Quản lý dự án và Xây dựng	300,000,000	(257,368,101)	42,631,899	42,631,899
	57,332,477,208	(17,411,634,357)	42,729,232,851	57,332,477,208
				(16,715,539,757)
				43,272,747,451

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty đang trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết, đầu tư góp vốn và đơn vị khác theo giá gốc trừ đi các khoản trích lập dự phòng vì các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	104,503,897,121	146,650,212,125
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3	13,481,426,654	13,481,426,654
Tập đoàn điện lực Việt Nam	5,842,915,873	11,685,831,746
Ban quản lý dự án 6	8,620,470,627	8,620,470,627
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đrinh	90,176,360,662	88,597,615,310
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	19,801,004,273	39,981,066,639
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	4,366,175,163	16,866,175,163
Công ty Cổ phần Thủy điện AVương	339,101,157	3,142,168,683
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 8	21,261,594,839	21,261,594,839
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Miền Bắc	15,662,726,396	15,662,726,396
Công ty CP Xây lắp và Bất động sản Điện Lực Dầu Khí Việt Nam	12,372,632,461	12,572,632,461
BQLDA đầu tư xây dựng Đại học Quốc Gia Hà Nội	9,692,032,370	9,692,032,370
Các khách hàng được chuyển giao khi sáp nhập Cometco vào Licogi 2	11,557,564,409	11,557,564,409
BQL đầu tư các công trình Văn hóa, thể thao Quảng Ninh	10,665,847,000	10,665,847,000
Ban điều hành gói thầu số 10 - Công trình Âu Tàu	7,814,561,352	7,814,561,352
Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng số 18	1,247,699,083	13,310,487,804
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Bắc Hà	8,452,586,940	22,953,129,250
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	11,612,725,248	7,497,042,065
Công ty TNHH Tư vấn Ánh Dương	-	15,349,843,212
Công ty CP Xi măng Đồng Lâm	-	6,712,023,756
Các khách hàng khác	708,944,607,914	608,628,801,125
	1,066,415,929,542	1,092,703,252,986
Trong đó các bên liên quan	9,527,730,940	5,786,456,118
8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương	165,000,000,000	165,000,000,000
Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Vĩnh Sáng	151,585,184,782	12,040,000,000
Trả trước cho người bán khác	-	75,140,144,308
	316,585,184,782	252,180,144,308
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	13,803,740,010	15,353,740,010
Phải thu về cho vay khác	547,850,000	-
	<u>14,351,590,010</u>	<u>15,353,740,010</u>

10. PHẢI THU KHÁC

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải thu về tạm ứng	170,845,098,364	112,839,665,665
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	25,493,403,949	25,977,490,444
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	13,052,009,100	1,245,249,521
Phải thu liên quan đến dự án Cẩm Thủy 2	-	6,079,942,000
Phải thu từ CĐT mới của dự án Yên Thanh	-	46,872,815,615
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.1	18,403,013,910	18,512,222,910
Ban quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt	-	-
Phải thu khác từ Cometco chuyển về Licogi 2	1,565,287,010	27,423,400,314
Phải thu về cổ phần hóa	4,937,761,082	9,423,910,942
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9,154,440,359	10,601,534,896
Phải thu về bảo hiểm xã hội	524,291,428	645,204,682
Các khoản phải thu khác	113,339,366,408	142,054,402,459
	<u>357,314,671,610</u>	<u>406,130,871,566</u>
Phải thu khác các bên liên quan	<u>5,191,374,118</u>	<u>4,455,032,118</u>
Tổng cộng	<u>362,506,045,728</u>	<u>410,585,903,684</u>

11. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/09/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	5,518,375,434	
Nguyên liệu, vật liệu	109,842,670,477	(3,522,986,716)	114,461,499,177	(4,356,955,156)
Công cụ, dụng cụ	7,082,289,869	-	6,594,822,113	(15,586,977)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	575,579,284,289	(17,755,583,134)	543,866,743,860	(18,245,453,694)
Thành phẩm	78,918,736,057	(110,378,533)	91,235,088,924	(1,439,337,173)
Hàng hoá	2,100,244,081	-	499,789,965	(110,378,533)
Cộng	<u>773,523,224,773</u>	<u>(21,388,948,383)</u>	<u>762,176,319,473</u>	<u>(24,167,711,533)</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số vật tư ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ, một số công trình quyết toán giảm với giá trị là 21.388.948.383 đồng (ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 24.167.711.533 đồng).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5,467,182,638	
Chi phí bảo lãnh		-
Chi phí sửa chữa	263,937,597	
Chi phí trả trước khác	4,792,145,938	
	<u>10,523,266,173</u>	<u>3,623,618,599</u>
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12,612,627,101	20,892,545,362
Trả trước tiền thuê đất	4,749,529,757	6,942,367,748
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3,840,784,864	5,005,422,742
Lợi thế kinh doanh	1,848,485,318	3,870,366,444
Chi phí trả trước dài hạn khác	11,616,338,545	3,242,401,211
	<u>34,667,765,585</u>	<u>39,953,103,507</u>

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2018	235,515,103,265	1,048,500,248,375	212,373,930,987	6,340,042,393	1,493,036,399	1,504,222,361,420
Tặng trong năm	744,369,490	13,431,283,463	7,150,043,003	389,601,818	47,500,000	21,762,797,774
Mua sắm mới	245,017,349	12,929,583,463	6,673,424,563	178,990,909	47,500,000	20,074,516,284
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	499,352,141	-	-	-	-	499,352,141
Tặng khác	-	501,700,000	476,618,440	210,610,909	-	1,188,929,349
Giảm trong năm	1,211,369,916	8,701,350,172	7,272,832,782	101,241,818	-	17,286,794,688
Giảm khác	1,211,369,916	-	356,119,338	-	-	1,567,489,254
Thanh lý, nhượng bán	-	8,701,350,172	6,916,713,444	101,241,818	-	15,719,305,434
Tại ngày 30/09/2018	235,048,102,839	1,053,230,181,666	212,251,141,208	6,628,402,393	1,540,536,399	1,508,698,364,506
GIÁ TRỊ HAO MÓN LÚY KẾ						
Tại ngày 01/01/2018	134,762,134,515	727,963,480,585	171,675,921,820	4,968,211,074	1,291,171,002	1,040,660,918,996
Tặng trong năm	7,541,947,031	39,487,461,047	8,019,708,880	450,700,516	65,923,290	55,565,740,764
Khấu hao trong năm	7,541,947,031	39,049,514,343	8,019,708,880	305,563,666	65,923,290	54,982,657,210
Tặng khác	-	437,946,704	-	145,136,850	-	583,083,554
Giảm trong năm	-	8,994,112,766	6,931,981,842	101,241,818	246,515,688	16,273,852,114
Thanh lý, nhượng bán	-	8,582,742,298	6,916,713,444	101,241,818	-	15,600,697,560
Giảm khác	-	411,370,468	15,268,398	-	246,515,688	673,154,554
Tại ngày 30/09/2018	142,304,081,546	758,456,828,866	172,763,648,858	5,317,669,772	1,110,578,604	1,079,952,807,647
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/09/2018	92,744,021,293	294,773,352,800	39,487,492,350	1,310,732,621	429,957,795	428,745,556,859
Tại ngày 01/01/2018	100,752,968,750	320,536,767,790	40,698,009,167	1,371,831,319	201,865,397	463,561,442,424

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2018			-
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm		-	-
Tại ngày 30/09/2018	-	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2018	-		-
Tăng trong năm		-	-
Khấu hao trong năm		-	-
Giảm trong năm		-	-
Tại ngày 30/09/2018	-	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2018	-	-	-
Tại ngày 01/01/2018	-	-	-

15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2018	28,583,669,806	251,785,715	500,000,000	29,335,455,521
Tăng trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2018	28,583,669,806	251,785,715	500,000,000	29,335,455,521
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2018	1,031,164,800	205,491,494	500,000,000	1,736,656,294
Tăng trong năm	13,605,300	13,012,506	-	26,617,806
Khấu hao trong năm	13,605,300	13,012,506	-	26,617,806
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2018	1,044,770,100	218,504,000	500,000,000	1,763,274,100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/09/2018	27,538,899,706	33,281,715	-	27,572,181,421
Tại ngày 01/01/2018	27,552,505,006	46,294,221	-	27,598,799,227

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/09/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án Khu đô thị Thịnh Liệt	881,427,165,245	814,137,611,909
Dự án Khu đô thị Thịnh Liệt - CT 2 - Licogi 2	12,233,301,281	12,233,301,281
Dự án thủy điện Cẩm thủy	4,589,571,314	4,589,571,314
	898,250,037,840	830,960,484,504
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
	VND	VND
Chi phí đền bù, hỗ trợ, tư vấn đất nông nghiệp CTCP VLJ	7,224,709,941	7,084,709,941
Trụ sở làm việc và Văn phòng cho thuê tại Lô E7,	12,625,580,296	9,647,644,263
Dự án mỏ đá Cà Ty (Licogi Quảng Ngãi)	-	11,435,664,696
Khác	38,351,449,221	10,222,273,807
	58,201,739,458	38,390,292,707

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**a. Ngắn hạn**

Công ty Cổ phần Licogi 12	10,641,174,082	4,170,897,901
Công ty Cổ phần Licogi 13	97,453,018,022	120,649,127,148
Công ty CP Sông Đà 7	-	28,729,553,757
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 - Licogi 18	20,660,926,489	36,893,302,220
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18.1	29,596,325,265	26,042,801,293
Công ty TNHH MTV Lũng Lô (CT A Vương)	543,627,385	543,627,385
Đội xử lý nền móng (Ông Yên)	-	1,525,848,182
Công ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật Việt Hải	-	61,789,649,318
Công ty cổ phần Licogi 16	44,849,371,033	44,385,573,178
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại thép Việt Dũng	-	5,549,283,209
Thầu phụ Dung Quất	-	12,376,483,794
Xí nghiệp khai thác và chế biến đá An Giang	-	3,236,951,610
CT CP ĐT XD Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	-	11,527,195,395
Các đối tượng khác	659,400,757,077	489,110,333,083
	863,145,199,353	830,303,384,835
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	20,882,852,909	16,227,242,638
Tổng cộng	884,028,052,262	846,530,627,473

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án KĐT Đông Hưng - Thái Bình	25,408,629,610	23,186,504,615
Khách hàng dự án Nam ga	106,864,027,168	90,903,807,383
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	-	88,639,320,000
Công ty TNHH Khí Công Nghiệp Messer Hải Phòng	-	25,104,902,600
Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Licogi 17	-	31,309,161,124
Tổng Công ty XD Lũng Lô (CT Dung Quất)	30,707,123,540	30,707,123,540
Khác	109,839,284,692	148,623,989,674
	272,819,065,010	438,474,808,936

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****Phát sinh trong kỳ**

Chỉ tiêu	01/01/2018 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	30/09/2018 VND
Thuế và các khoản khác phải thu/phải trả Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	68,365,674,854	175,788,833,052	179,392,542,031	64,761,965,875
Thuế xuất nhập khẩu	-	3,743,645,079	3,743,645,079	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16,594,632,874	12,008,430,282	16,420,538,497	12,182,524,659
Thuế tài nguyên	4,296,297,567	4,619,368,596	3,772,051,580	5,143,614,583
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2,873,609,576	843,150,924	1,920,678,559	1,796,081,941
Thuế thu nhập cá nhân	1,464,051,338	3,681,631,039	3,991,732,318	1,153,950,059
Các loại thuế khác	17,456,938,180	662,280,873	906,614,565	17,212,604,488
Thuế và các khoản phí, lệ phí khác	62,508,619,560	6,026,304,715	6,189,994,773	62,344,929,502
Cộng	173,559,823,949	207,373,644,560	216,337,797,402	164,595,671,107

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	VND
Chi phí lãi vay	50,286,100,557	42,744,620,402
Trích trước chi phí thi công công trình	125,005,009,135	81,540,647,731
Các khoản khác	12,461,822,411	61,795,014,474
	187,752,932,103	186,080,282,607

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	38,987,760,591	36,088,074,067
Bảo hiểm y tế	179,651,315	1,753,688,304
Bảo hiểm thất nghiệp	172,962,314	958,867,908
Kinh phí công đoàn	4,814,889,323	4,889,563,922
Phải trả về cổ phần hóa	12,141,257,404	9,702,320,164
Các khoản khác	148,722,926,153	347,282,265,415
b) Dài hạn		
Công ty TNHH Đầu tư và tư vấn Hải Dương	165,000,000,000	165,000,000,000
Các khoản phải trả dài hạn khác	95,117,610,790	93,842,406,184
	465,137,057,890	400,674,779,780
Phải trả khác các bên liên quan	60,000,000,000	60,000,000,000
Tổng cộng	525,137,057,890	460,674,779,780

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018
 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN, DÀI HẠN

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 30/09/2018
	Tăng	Giảm	
a) Vay ngắn hạn			
Vay ngắn hạn Ngân hàng	1,447,986,930,539	1,384,039,178,884	1,032,635,668,012
Vay ngắn hạn bên thứ ba	214,760,135,025	42,900,599,882	403,786,892,349
Vay dài hạn đến hạn trả	150,918,318,858	194,000,465,008	160,018,455,822
	1,813,665,384,422	1,620,940,243,774	1,596,441,016,183
b) Vay dài hạn			
Vay dài hạn Ngân hàng	89,162,314,952	173,799,404,363	413,219,359,982
Vay dài hạn bên thứ ba	-	-	24,204,742,929
	89,162,314,952	173,799,404,363	437,424,102,911
Khoản nợ đến hạn trong 12 tháng	914,192,000	4,394,362,668	199,612,431,304
Khoản nợ đến hạn sau 12 tháng	88,248,122,952	169,405,041,695	237,811,671,607

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN, DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Tổng Công ty được giải ngân bằng Đồng Việt Nam, Euro

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty mẹ	948,579,596,167	698,570,671,968
Licogi 2	-	
Licogi 9	82,413,516,052	82,456,848,297
Licogi 10	52,786,027,893	46,256,722,449
Licogi 15	36,719,074,369	35,785,584,331
Licogi 17	32,931,472,888	40,571,420,172
Licogi 20	52,345,055,320	67,146,804,364
Lắp máy điện nước	10,249,041,700	23,153,008,418
Cơ khí Đông Anh	303,706,383,993	256,033,166,924
Tầm lợp Đông Anh	42,736,085,164	63,292,542,024
Công ty TNHH MTV nhà ở và đô thị Licogi	11,725,777,025	63,855,701,600
Licogi Quảng Ngãi	22,248,985,612	26,593,404,988
Tổng cộng	1,596,441,016,183	1,403,715,875,535

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>30/09/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty mẹ	155,161,603,688	239,845,741,162
Licogi 2	22,622,750,900	22,622,750,900
Licogi 9	10,247,750,414	15,538,440,311
Licogi 10	5,520,938,753	6,640,069,253
Licogi 15	0	0
Licogi 17	828,000,000	828,000,000
Cơ khí Đông Anh	16,798,053,970	6,399,480,000
Tầm lợp Đông Anh	4,256,980,594	4,718,515,436
Licogi Quảng Ngãi	7,368,593,288	7,368,593,288
Tổng cộng	237,811,671,607	318,968,590,350

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi
 Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018
 đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND		Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND		Tổng cộng VND
	VND	VND		VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2017	900,000,000,000	10,121,718,651	(79,274,695,809)	58,975,299,808	2,074,997,571	(448,389,041,757)	112,419,324,748	555,927,603,212			
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(66,389,065,481)	(5,372,647,495)	(71,761,712,976)			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8,772,316,932	8,297,899	(19,672,836,049)	(18,606,341,033)	(29,498,562,251)			
Tặng khác/giảm khác	-	-	(19,491,120,000)	-	-	752,738,039	726,825,363	(18,011,556,598)			
Số dư tại ngày 31/12/2017	900,000,000,000	10,121,718,651	(98,765,815,809)	67,747,616,740	2,083,295,470	(533,698,205,248)	89,167,161,583	436,655,771,387			
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	35,014,912,926	21,562,019,470	56,576,932,396			
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8,202,741,440	-	(30,635,802,391)	(11,514,340,315)	(33,947,401,266)			
Tặng khác/giảm khác	-	(10,004,160,000)	10,004,081,861	(321,204,374)	321,204,375	716,528,225	688,429,081	1,404,879,168			
Số dư tại ngày 30/09/2018	900,000,000,000	117,558,651	(88,761,733,948)	75,629,153,806	2,404,499,845	(528,602,566,488)	99,903,269,819	460,690,181,685			
Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu											
Bộ xây dựng		Cuối kỳ		Tỉ lệ	Đầu kỳ		Tỉ lệ				
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông		366,406,910,000		40.71%	366,406,910,000		40.71%				
Các cổ đông khác		315,000,000,000		35.00%	315,000,000,000		35.00%				
		218,593,090,000		24.29%	218,593,090,000		24.29%				
		<u>900,000,000,000</u>		<u>100.00%</u>	<u>900,000,000,000</u>		<u>100.00%</u>				

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	592,709,668,814	614,071,631,407
Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng, bán HH	495,050,199,469	427,552,715,022
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,608,569,476	5,495,068,128
Doanh thu hợp đồng xây dựng	94,050,899,869	178,412,041,419
Doanh thu khác	-	2,611,806,838
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	148,443,000
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	148,443,000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	592,709,668,814	613,923,188,407

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, bán HH	440,611,092,746	28,069,368,225
Giá vốn dịch vụ	866,243,305	5,995,374,221
Giá vốn hợp đồng xây dựng	74,805,996,715	530,437,695,128
Giá vốn khác	-	1,859,469,038
	516,283,332,766	566,361,906,612

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7,538,380,741	4,156,714,012
Lãi chênh lệch tỷ giá	7,465,691	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia (i)	46,958,769,198	-
Doanh thu tài chính từ vốn hóa dự án Khu đô thị mới	-	-
Đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	367,059,000
	54,504,615,630	4,523,773,012

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý III năm 2018	Quý III năm 2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37,044,340,279	38,637,260,783
Lỗ chênh lệch tỷ giá	631,003	-
Dự phòng tổn thất đầu tư	(4,594,353,769)	-
Chi phí tài chính khác	322,144,112	-
	32,772,761,625	38,637,260,783

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý III năm 2018 VND	Quý III năm 2017 VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	3,858,162,239	3,753,381,406
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,054,065,159	375,001,964
Chi phí khấu hao TSCĐ	176,850,069	153,703,161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,059,395,528	3,115,908,317
Chi phí bằng tiền khác	1,907,408,159	4,367,868,519
	9,055,881,154	11,765,863,367
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	27,645,356,367	17,029,551,979
Chi phí đồ dùng văn phòng	1,798,672,216	3,255,643,745
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,539,728,796	2,673,254,586
Chi phí dự phòng	(1,856,011,878)	(6,895,983,197)
Thuế, phí và lệ phí	1,923,972,989	5,041,117,064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,344,200,499	1,107,496,286
Chi phí bằng tiền khác	11,542,383,858	15,350,460,404
	44,938,302,847	37,561,540,867

32. (LỖ) KHÁC

	Quý III năm 2018 VND	Quý III năm 2017 VND
Thu nhập khác		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1,819,682	3,490,068,301
Lãi phải thu do chậm thanh toán	-	-
Thu nhập khác	2,834,273,801	1,286,482,169
	2,836,093,483	4,776,550,470
Chi phí khác		
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	2,419,245,767
Các khoản phạt	1,996,924,956	3,945,034,694
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm thời không sử dụng	5,871,343,000	2,907,756,479
Chi phí khác	1,347,685,588	(194,732,791)
	9,215,953,544	9,077,304,149
(Lỗ) khác	(6,379,860,061)	(4,300,753,679)

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý III năm 2018 VND	Quý III năm 2017 VND
Lợi nhuận trước thuế	53,351,216,747	7,274,823,118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,785,773,258	163,204,439
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	909,401,420	-
Công ty TNHH MTV nhà ở và đô thị Licogi	575,404	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	1,605,865,866	-
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng	266,259,512	-
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	3,671,056	-

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTC

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% hoặc 22% theo quy định tại từng thời điểm tính trên thu nhập chịu thuế.

34. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong kỳ báo cáo, Tổng Công ty Lũng Lô đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản Tổng Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty với số tiền là 51 tỷ đồng để thực hiện dự án đề chấn sóng Dự án Nhà máy Lọc dầu số 01 Dung Quất theo Hợp đồng số 08.1/HĐKT-LCC-Licogi. Theo như khiếu kiện của Tổng Công ty Lũng Lô, Tổng Công ty phải hoàn trả Tổng Công ty Lũng Lô với số tiền khoảng 19 tỷ đồng. Tổng Công ty không trích lập dự phòng cho khoản công nợ tiềm tàng này trên báo cáo tài chính hợp nhất vì chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án quận Thanh Xuân.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Error! Not a valid link.

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Quý III năm 2018	01/01/2018
	VND	
Danh thu		8,626,300,001
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	-	196,363,637
Công ty CP Licogi 12, người liên quan	-	8,429,936,364
Mua hàng	2,726,724,495	92,909,171,423
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	2,750,000,000	11,000,000,000
Công ty CP Licogi 12, người liên quan	(23,275,505)	81,909,171,423
Nhận chia cổ tức	53,389,792,121	93,926,365,807
Công ty Cổ phần Licogi 12	-	
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	53,389,792,121	90,181,113,942
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	-	3,745,251,865
Lãi vay phải trả	151,232,876	
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	151,232,876	
Doanh thu tài chính	997,865,000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	997,865,000	
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	720,000,000	3,446,644,951

TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi

Phường Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 07 năm 2018

đến ngày 30 tháng 09 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30/9/2018**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

	30/9/2018	01/01/2018
	VND	
Phải thu khách hàng ngắn hạn	13,816,187,058	5,786,456,118
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	13,816,187,058	5,562,456,118
Công ty CP Licogi 12	-	224,000,000
Phải thu về cho vay	13,803,740,010	18,123,740,010
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	13,803,740,010	18,123,740,010
Phải thu ngắn hạn khác	5,191,374,118	4,455,032,118
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8	306,947,000	625,000
Công ty Cổ phần Licogi 19	4,337,712,455	4,337,712,455
Công ty CP Licogi 12	358,020,000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	188,694,663	116,694,663
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	19,083,249,854	16,227,242,638
Công ty Cổ phần Licogi 14	1,796,397,500	1,632,899,716
Công ty Cổ phần Licogi 19	4,531,799,005	3,695,789,577
Công ty Cổ phần Licogi 12	12,755,053,349	10,898,553,345
Chi phí phải trả	1,086,428,762	
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	1,086,428,762	
Phải trả ngắn hạn khác	60,000,000,000	6,000,000,000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60,000,000,000	6,000,000,000
Các khoản đi vay	89,858,688,206	6,018,688,206
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	89,840,000,000	6,000,000,000

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và các thuyết minh tương ứng là số liệu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán AASC.



Người lập biểu
Ngày 30 tháng 10 năm 2018

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

Phan Thanh Hải